

Số: /2026/QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ
và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15);

Căn cứ Luật bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 936/TTr-SNNMT ngày 17/6/2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường; cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, phối hợp, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

2. Quy chế này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước ngành nông nghiệp và môi trường. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Thông tin, Dữ liệu về nông nghiệp và môi trường được quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ và phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ, gồm các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân

Quy định tại Điều 6, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 6. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Kinh phí thực hiện Quy chế được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trong phạm vi dự toán chi thường xuyên hằng năm được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan, đơn vị và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí hoặc giá dịch vụ khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường (nếu có), thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, giá và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 7. Lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định như sau:

a) Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Bảo đảm thông tin, dữ liệu, tài liệu lưu trữ được thu nhận chính xác, đầy đủ, có hệ thống. Trường hợp tài liệu lưu trữ giấy và tài liệu lưu trữ điện tử có nội dung trùng nhau thì phải thu nhận cả hai loại.

c) Lồng ghép với các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ.

d) Bảo đảm thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

2. Căn cứ lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường:

a) Yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

b) Theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

c) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

d) Các chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Danh sách thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT là căn cứ thực hiện công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

3. Kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích, yêu cầu thu nhận, cập nhật thông tin, dữ liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường.

b) Khối lượng thông tin, dữ liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường cần thu nhận.

c) Nội dung công việc thu nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường.

d) Sản phẩm thu nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường;

đ) Kế hoạch, nguồn nhân lực thực hiện.

e) Tổ chức thực hiện.

g) Dự toán kinh phí (nếu có).

Điều 8. Hình thức thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Tiếp nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường nộp trực tiếp tại đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, lưu trữ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử.

2. Thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu nhận, tạo lập hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động mà theo quy định của pháp luật phải giao nộp các thông tin, dữ liệu, tài liệu nông nghiệp và môi trường và lưu trữ chuyên ngành.

2. Thông tin dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc theo quy định của pháp luật. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường khi giao nộp phải được lập thành biên bản (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này) và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này. Biên bản giao nộp dữ liệu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Thời gian thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện nhiệm vụ, dự án về nông nghiệp và môi trường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp một (01) bộ dạng điện tử và một (01) bộ gốc in trên giấy để lưu trữ theo đúng chuẩn thông tin, dữ liệu chuyên môn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định. Trường hợp có quy định khác thực hiện theo quy định của cơ quan Trung ương chuyên ngành.

b) Các phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao có tạo ra các kết quả là thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày công việc kết thúc;

trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản, có trách nhiệm giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Sở) một (01) bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một (01) bộ dữ liệu theo quy định đã được số hóa thông qua môi trường điện tử hoặc dạng số lưu trên đĩa CD hoặc DVD.

Điều 10. Thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh căn cứ kế hoạch được phê duyệt, thực hiện:

a) Thu thập, tập hợp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đối với các thông tin, dữ liệu trực tiếp quản lý, lưu trữ và cung cấp.

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

c) Xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp.

3. Việc thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá xử lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường của mình quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp xã.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

3. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa.

4. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

5. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

6. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 13. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu nông

ng nghiệp và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Điều 14. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo đúng quy định tại Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

Điều 15. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 16. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường

Việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 17. Thời hạn lưu trữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT và các quy định khác của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại thông tin, dữ liệu hết giá trị sử dụng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết tiêu huỷ thông tin, dữ liệu. Việc tiêu huỷ thông tin, dữ liệu hết giá trị được thực hiện theo quy định của Luật lưu trữ và các quy định chuyên ngành.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa, Trang thông tin điện tử Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa, Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng theo quy định.

Điều 19. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khoá; không được làm lộ địa chỉ, mã khoá truy cập đã được cấp.

3. Cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu có trách nhiệm:

a) Bảo đảm cho tổ chức, cá nhân truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu dễ sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm.

b) Bảo đảm khuôn dạng thông tin, dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định để dễ dàng tải xuống, hiển thị nhanh chóng và in ấn bằng các phương tiện điện tử phổ biến.

Điều 20. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở có nhu cầu khai thác và sử dụng hồ sơ, tài liệu lưu trữ để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị phải có phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban

hành kèm theo Quy chế này) có xác nhận của Trưởng phòng, Thủ trưởng đơn vị và ghi rõ danh mục hồ sơ, tài liệu cần khai thác; mục đích khai thác, sử dụng hồ sơ, tài liệu kèm theo văn bản là văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Sở giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tài liệu khai thác, văn bản được gửi trực tiếp về Văn phòng Sở.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân bên ngoài có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu

a) Căn cứ danh mục thông tin, dữ liệu hiện có, gửi văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này) nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc trên môi trường mạng điện tử, cho các đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu. Văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và đóng dấu xác nhận, của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu.

b) Trong thời hạn quy định, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu tiếp nhận kiểm tra văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, thông báo nghĩa vụ tài chính (trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính) cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

c) Sau khi tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân.

d) Trường hợp người có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường là cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì văn bản yêu cầu phải được tổ chức, doanh nghiệp nơi người đó đang làm việc ký xác nhận, đóng dấu; đối với các chuyên gia, thực tập sinh là người nước ngoài đang làm việc cho các chương trình, dự án tại các bộ, ngành, địa phương hoặc học tập tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam thì phải được cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương hoặc các cơ sở đào tạo đó ký xác nhận, đóng dấu theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

đ) Trường hợp đặc biệt cung cấp dữ liệu phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, phục vụ yêu cầu của các đoàn Thanh tra, kiểm toán đến làm việc tại Sở hoặc trong tình trạng khẩn cấp, các đơn vị quản lý tài liệu lưu trữ về nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan.

Chương V
KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 21. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã; giữa các cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 22. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường điện tử.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường trên môi trường mạng

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực hiện và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc nông nghiệp và môi

trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường thu thập, thu nhận, tổ chức quản lý thống nhất thông tin, dữ liệu tỉnh về quan trắc nông nghiệp và môi trường trên môi trường mạng, tổ chức thành cơ sở dữ liệu tỉnh từ sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan, thực hiện việc tổng hợp, xử lý, chia sẻ phục vụ nhu cầu chung của xã hội.

4. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường về cơ sở dữ liệu tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu tỉnh về quan trắc nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN

QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 24. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh; tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Phê duyệt kế hoạch điều tra thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường do đơn vị được giao quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trình, chỉ đạo thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường hằng năm của tỉnh, tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

c) Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh; tổ chức công bố công khai danh mục dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

đ) Tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hằng năm.

e) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu về nông nghiệp và môi trường; thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

g) Tổ chức quản lý, xây dựng, vận hành, khai thác và bảo trì Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh Thanh Hóa, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về nông nghiệp và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; tổng hợp tình hình xây dựng, cập nhật, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

h) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

k) Hướng dẫn, kiểm tra các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác thu thập, quản lý, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

l) Định kỳ hằng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm:

a) Đối với thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường do các Sở, ban, ngành được giao quản lý, với chức năng nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành

tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định.

b) Đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã được điều tra, thu thập.

c) Lưu trữ, bảo quản lâu dài và tổ chức xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phục vụ quản lý, cung cấp, chia sẻ, sử dụng.

d) Cung cấp thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật; kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường do mình quản lý với các Sở, ban, ngành khác liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường do đơn vị quản lý theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

e) Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường. Đảm bảo các quy định bảo mật thông tin về việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử an toàn, an ninh mạng.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường hoạt động liên tục hiệu quả.

g) Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan; tổng hợp, thẩm định dự toán; tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện hằng năm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh và quy định của pháp luật; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh và thu thập cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi của cấp xã hằng năm.

Điều 25. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.

b) Không được chuyên thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu. Tổ chức cá nhân khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu có trách nhiệm làm rõ nguồn gốc thông tin, dữ liệu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

c) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

d) Trả phí khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

g) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

h) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

2. Tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đối với thông tin, dữ liệu được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm:

a) Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập và giao nộp thông tin, dữ liệu.

b) Giao nộp cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định của nội dung, nhiệm vụ, sau thời hạn đó tuân thủ theo quy định của Quy chế này.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT và Quy chế này.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục
Biểu mẫu về cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Mẫu số 01	Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường
Mẫu số 02	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường
Mẫu số 03	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường
Mẫu số 05	Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Mẫu số 01**Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường**

**TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
 Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):.....
 Số CMND/Số thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Thực hiện Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày/...../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

(Tên tổ chức/cá nhân) thông báo về danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đang lưu trữ như sau:

TT	Danh mục thông tin, dữ liệu cung cấp	Mô tả về thông tin, dữ liệu	Nguồn gốc thông tin, dữ liệu
1			
2			

Chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 02
Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
 Số CMND/Số thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại, fax, E-mail:.....
4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:.....
5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):.....
7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:.....

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
 THÔNG TIN, DỮ LIỆU¹**

¹Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên

Mẫu số 03**Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
2. Nơi đang làm việc, học tập:.....
3. Quốc tịch, số hộ chiếu:.....
4. Điện thoại, fax, E-mail:.....
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:.....
6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):
8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP**
(Ký xác nhận, đóng dấu)

....., ngày tháng năm
NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04**Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường**

**TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Năm (Từ tháng năm đến tháng năm)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
- Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):.....
- Số CMND/Số thẻ Căn cước công dân/Số định danh cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....
4. Các thông tin, dữ liệu đã cung cấp:.....

TT	Nội dung, phạm vi, khối lượng thông tin, dữ liệu	Tổ chức/cá nhân được cung cấp	Thời gian thực hiện	Kinh phí cung cấp	Ghi chú
1					
2					
3					

Chúng tôi/Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05**Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN GIAO NỘP****Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường**

Căn cứ Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày/...../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

Hôm nay, ngày tháng năm tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện bên giao:

Ông/Bà:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

2. Đại diện bên nhận: thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

Ông/Bà:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Hai bên tiến hành giao, nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của nhiệm vụ/công trình/dự án để nhập vào kho lưu trữ theo quy định.

Khối lượng thông tin, dữ liệu được thống kê theo bảng như sau:

TT	Thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
TỔNG CỘNG				

Hai bên đã giao nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ được thống kê ở trên và nhất trí ký vào biên bản. Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN¹

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹Trường hợp là cơ quan, tổ chức giao nộp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên.